

86/2026 VIET NAM - NORTH EAST COAST - HAI PHONG - Depths.

Source: VietNam Maritime And Waterway Administration, Notice No. 72/2026/TBHH-CHHĐTVN

Chart - VN50008 [*previous update 82/2026*]

Insert	depth, 8 ₅	20°49.88'N 106°48.86'E
	depth, 8 ₅	20°49.94'N 106°47.32'E
Replace	depth, 8 ₄ , with depth, 8 ₅	20°49.84'N 106°49.32'E
	depth, 8 ₃ , with depth, 8 ₅	20°49.84'N 106°49.13'E
	depth, 8 ₄ , with depth, 8 ₇	20°49.87'N 106°48.25'E
	depth, 8 ₂ , with depth, 8 ₅	20°49.87'N 106°47.98'E
	depth, 8 , with depth, 8 ₅	20°49.87'N 106°47.66'E
Delete	depth, 7 ₇	20°49.90'N 106°48.80'E
	depth, 7 ₉	20°49.86'N 106°47.76'E
	depth, 7 ₄	20°49.93'N 106°47.39'E
	depth, 8	20°49.95'N 106°47.27'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

86/2026 VIỆT NAM - BỜ BIỂN ĐÔNG BẮC BỘ - HẢI PHÒNG - Độ sâu .

Nguồn: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Thông báo số 72/2026/TBHH-CHHĐTVN

Hải đồ - VN50008 [*Cập nhật trước 82/2026*]

Chèn	độ sâu, 8 ₅	20°49.88'N 106°48.86'E
	độ sâu, 8 ₅	20°49.94'N 106°47.32'E
Thay	độ sâu, 8 ₄ , bằng độ sâu, 8 ₅	20°49.84'N 106°49.32'E
	độ sâu, 8 ₃ , bằng độ sâu, 8 ₅	20°49.84'N 106°49.13'E
	độ sâu, 8 ₄ , bằng độ sâu, 8 ₇	20°49.87'N 106°48.25'E
	độ sâu, 8 ₂ , bằng độ sâu, 8 ₅	20°49.87'N 106°47.98'E
	độ sâu, 8 , bằng độ sâu, 8 ₅	20°49.87'N 106°47.66'E
Xóa	độ sâu, 7 ₇	20°49.90'N 106°48.80'E
	độ sâu, 7 ₉	20°49.86'N 106°47.76'E
	độ sâu, 7 ₄	20°49.93'N 106°47.39'E
	độ sâu, 8	20°49.95'N 106°47.27'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)